

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/10/2019.

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phúc Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Đặng Thị Vui

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thúy H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Tổ 3, khu Hiệp An 2, phường Ph N, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 3, khu Hiệp An 2, phường Ph N, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 11/7/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Lê Thúy H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thúy H và anh Nguyễn Văn Nh tự nguyện kết hôn năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND phường Ph N, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng tại tổ 3, khu Hiệp An 2, phường Ph N, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh.

Trong quá trình chung sống, cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường hay xảy ra cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn đã lâu, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau, trong quá trình chung sống anh Nh không có trách nhiệm tới vợ con, đến nay vợ chồng không thể hòa giải được.

Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H xin được ly hôn với anh Nh.

- *Về con chung*: Chị H trình bày, chị và anh Nh có 01 con chung là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 20/10/2018, còn nhỏ và hiện chị H đang nuôi dưỡng, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên và yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

- *Về tài sản chung và khoản nợ chung*: Không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã triệu tập hợp lệ anh Nh nhiều lần nhưng anh Nh không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên không thể hiện được quan điểm của mình. Do vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 13/8/2019 lập tại tổ 3, khu Hiệp An 2, phường Ph N, thành phố U B, bà Phạm Thị Th là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Nh cho biết: Năm 2017 con trai bà là anh Nguyễn Văn Nh kết hôn với chị Lê Thúy H, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng vợ chồng bà, quá trình chung sống bà thấy anh Nh và chị H không có biểu hiện đánh cãi chửi nhau, còn thực chất như thế nào bà không biết. Đến khoảng tháng 3 năm 2019 chị H đưa con về nhà ngoại chơi và đi từ đó cho đến nay không quay lại chung sống cùng chồng, bà và gia đình có gọi điện động viên nhưng chị H gây khó khăn không muốn gặp nói chuyện. Cũng từ thời gian đó vợ chồng bà không quan tâm, để ý tới chuyện riêng tình cảm của anh Nh và chị H. Đến nay chị H xin được ly hôn, quan điểm của ông bà mong muốn các con hàn gắn, đoàn tụ nuôi dạy con chung, nhưng chị H và anh Nh vẫn cương quyết xin ly hôn thì ông bà không can thiệp, do các con tự quyết định. Ông Nguyễn Tiến A - khu trưởng, xác nhận: Anh Nguyễn Văn Nh kết hôn với chị Lê Thúy H có đăng ký nhân khẩu tại địa phương, tại tổ 3, khu Hiệp An 2, phường Ph N, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh. Hai vợ chồng từ khi kết hôn sống với nhau không có cãi cọ gây mâu thuẫn gì, mấy tháng gần đây chị H bế con về nhà mẹ đẻ sống, 2 vợ chồng ly thân từ đó nhưng không báo với thôn khu nên thôn khu cũng không biết để hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Nh đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Chị H và anh Nh có 01 con chung là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 20/10/2018, còn nhỏ và hiện chị H đang nuôi dưỡng, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên và yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Xét thấy đây là yêu cầu có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị Lê Thúy H và anh Nguyễn Văn Nh đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh, vì vậy nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí là có cơ sở để xem xét, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Lê Thúy H, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn Nh vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thúy H và anh Nguyễn Văn Nh tự nguyện kết hôn năm 2017, đăng ký kết hôn tại UBND phường Ph N, thành phố U B, tỉnh Quảng Ninh. Trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Nh tồn tại nhưng không có hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường hay xảy ra cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn đã lâu, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau, trong quá trình chung sống anh Nh không có trách nhiệm tới vợ con, đến nay vợ chồng không thể hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Qua xác minh tại gia đình thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Nh không còn hạnh phúc, từ khoảng tháng 3 năm 2019 chị H đưa con về nhà ngoại chơi và đi từ đó cho đến nay không quay lại chung sống cùng anh Nh, bà Th là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Nh và gia đình có gọi điện động viên nhưng chị H gây khó khăn không muốn gặp nói chuyện. Cũng từ thời gian đó vợ chồng bà Th không quan tâm, để ý tới chuyện riêng tình cảm của anh Nh và chị H. Đến nay chị H xin được ly hôn, quan điểm của ông bà mong muốn các con hàn gắn, đoàn tụ nuôi dạy con chung, nhưng chị H và anh Nh vẫn cương quyết xin ly hôn thì ông bà không can thiệp, do các con tự quyết định; địa phương cho biết, vợ chồng chị H anh Nh đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh Nh không báo chính quyền địa phương, địa

phương không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị để tổ chức hòa giải.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Lê Thúy H và anh Nguyễn Văn Nh thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị Lê Thúy H được ly hôn anh Nguyễn Văn Nh để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Nh có 01 con chung là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 20/10/2018, còn nhỏ và hiện chị H đang nuôi dưỡng, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên và yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Xét thấy đây là yêu cầu có căn cứ nên cần được chấp nhận. Khi nào chị H và anh Nh yêu cầu khác về cấp dưỡng nuôi con chung thì có quyền yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Nh đều vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con chung khi ly hôn. Cháu Nguyễn Thùy D, còn nhỏ và hiện chị H đang nuôi dưỡng, do vậy giao con chung là cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 20/10/2018, cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nh phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/1 tháng. Nếu anh Nh có yêu cầu nuôi con chung thì anh Nh có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[2.3] Về tài sản và khoản nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thúy H và anh Nguyễn Văn Nh phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình;

- điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thúy H đối với anh Nguyễn Văn Nh.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thúy H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Nh.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 20/10/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên; anh Nguyễn Văn Nh phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng/1 tháng, từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên đó.

Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thúy H phải nộp vào ngân sách nhà nước 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000947 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn Nh phải nộp vào ngân sách nhà nước 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thúy H và anh Nguyễn Văn Nh vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- UBND phường Ph N,
- TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phúc Định